

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-45
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-45

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 97/GPĐC-UBCK cấp ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/07/2021
Ông Lê Bảo Thắng	Chủ tịch	Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 26/07/2021, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 30/09/2021
Ông Vũ Mạnh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/09/2021
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/09/2021
Bà Vũ Hải Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/09/2021
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Phùng Tố Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Ông Vũ Hồng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Ngô Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/09/2021
Bà Đoàn Thị An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021 và miễn nhiệm ngày 30/09/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Chung	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Lại Thị Sen	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/10/2021
Bà Đoàn Thị An	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/04/2021 và miễn nhiệm ngày 07/10/2021
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Chung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được lập ngày 18 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.176.451.372.364	857.746.725.649
110	I. Tài sản tài chính		3.164.926.779.992	857.104.110.815
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	205.112.252.808	124.647.915.295
111.1	1.1 Tiền		205.112.252.808	124.647.915.295
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.118.210.620.900	229.242.286.810
114	3. Các khoản cho vay	5	1.762.153.805.152	512.516.277.602
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(3.620.505.372)	(9.326.368.892)
117	5. Các khoản phải thu	7	27.804.189.589	-
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		27.370.000.000	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		434.189.589	-
117.3	5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		434.189.589	-
118	6. Trả trước cho người bán		8.635.376.915	-
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	33.355.040.000	24.000.000
122	8. Các khoản phải thu khác	7	13.300.000.000	-
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(24.000.000)	-
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		11.524.592.372	642.614.834
131	1. Tạm ứng		68.000.000	17.500.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	11.423.592.372	625.114.834
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	33.000.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.270.192.198	21.852.240.384
220	II. Tài sản cố định		13.327.233.640	3.026.896.279
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.848.557.562	3.026.896.279
222	- Nguyên giá		28.617.028.908	20.511.033.308
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.768.471.346)	(17.484.137.029)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.478.676.078	-
228	- Nguyên giá		14.073.718.497	10.076.718.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.595.042.419)	(10.076.718.497)
250	V. Tài sản dài hạn khác		20.942.958.558	18.825.344.105
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	1.220.819.108	604.349.108
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.917.786.941	2.916.642.488
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	17.804.352.509	15.304.352.509
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.210.721.564.562	879.598.966.033

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.343.015.040.572	101.536.854.112
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.292.800.836.974	88.987.447.840
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	120.000.000.000	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		120.000.000.000	-
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	909.122.181.582	51.100.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	3.732.573.087	1.810.973.837
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	65.930.266.291	2.096.787.000
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		162.850.000	20.000.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	24.387.431.501	4.750.126.993
323	7. Phải trả người lao động		1.000.000	335.965.218
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		193.114.980	160.744.980
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	49.890.443.104	4.493.430.076
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	118.427.275.035	23.965.147.242
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		953.701.394	254.272.494
340	II. Nợ phải trả dài hạn		50.214.203.598	12.549.406.272
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	37.2	50.214.203.598	12.549.406.272
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.867.706.523.990	778.062.111.921
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.867.706.523.990	778.062.111.921
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.270.004.000.000	600.004.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.030.004.000.000	600.004.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.030.004.000.000	600.004.000.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		240.000.000.000	-
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		6.000.000.000	6.000.000.000
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		6.000.000.000	6.000.000.000
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		585.702.523.990	166.058.111.921
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		386.790.509.401	117.805.286.634
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		198.912.014.589	48.252.825.287
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.210.721.564.562	879.598.966.033

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		103.000.400	60.000.400
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	22	242.836.320.000	126.907.010.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	23	1.530.000	1.550.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	24	131.400.020.000	30.000.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	25	6.845.956.215.000	4.218.536.570.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		5.678.166.795.000	3.524.365.950.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		667.281.580.000	59.392.560.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		320.665.450.000	320.665.450.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		530.890.000	530.840.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		179.311.500.000	313.581.770.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	26	18.152.520.000	18.195.590.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		18.002.520.000	18.045.590.000
022.4	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	150.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	27	146.775.480.000	278.644.000.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
026	4. Tiền gửi của khách hàng	28	502.472.756.607	488.101.946.340
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		224.750.899.807	372.217.787.440
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		225.289.162.200	115.750.120.900
029.1	a. <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>		225.289.162.200	115.750.120.900
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		52.432.694.600	134.038.000
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29	450.040.062.007	487.967.908.340
031.1	5.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		448.848.101.311	487.911.823.732
031.2	5.2 <i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		1.191.960.696	56.084.608
032	8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		52.340.000.000	-
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30	92.694.600	134.038.000

BTP

RL



Bùi Thị Yến
 Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Chung
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	643.066.132.921	247.208.174.918	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	230.747.520.500	101.764.964.938
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	32.b)	391.634.880.658	143.605.334.180
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	32.c)	20.683.731.763	1.837.875.800
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.c)	-	3.688.156.941
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.c)	105.753.220.227	62.169.556.024
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		134.122.196.130	36.337.183.352
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		197.035.936.818	-
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2.354.959.362	1.854.333.897
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		8.336.472.727	209.654.421
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	32.d)	22.411.139.326	-
20		Cộng doanh thu hoạt động		1.113.080.057.511	351.467.059.553
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		228.560.467.123	180.259.254.480
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	25.249.573.093	98.149.618.870
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	32.b)	203.310.894.030	82.109.635.610
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tồn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(5.705.863.520)	(484.330.387)
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		3.677.275.344	2.693.092.758
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		115.856.802.152	37.523.879.839
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		151.277.663.496	-
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2.336.911.297	1.927.861.392
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		4.125.573.508	1.965.632.856
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	33	5.868.364.908	-
40		Cộng chi phí hoạt động		505.997.194.308	223.885.390.938


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			VND		VND	
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	34				
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		2.555.774.102		789.503.653	
44	3.2 Doanh thu khác về đầu tư		101.095.890		-	
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		2.656.869.992		789.503.653	
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	35				
52	4.1 Chi phí lãi vay		55.708.980.851		26.215.561.685	
60	Cộng chi phí tài chính		55.708.980.851		26.215.561.685	
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	36	31.503.285.950		31.377.107.280	
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		522.527.466.394		70.778.503.303	
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
71	8.1 Thu nhập khác		-		117.246.509	
72	8.2 Chi phí khác		-		465.399.046	
80	Cộng kết quả hoạt động khác		-		(348.152.537)	
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		522.527.466.394		70.430.350.766	
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		334.203.479.766		8.934.652.196	
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		188.323.986.628		61.495.698.570	
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	37	100.383.054.325		13.218.923.347	
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.1	62.718.256.999		919.783.633	
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	37.2	37.664.797.326		12.299.139.714	
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		422.144.412.069		57.211.427.419	
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG					
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	40	6.098		954	

Bùi Thị Yến
Người lậpNguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

 Nguyễn Thành Chung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		522.527.466.394	70.430.350.766
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		49.389.001.468	25.903.567.644
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.917.658.239	946.739.906
04	- Các khoản dự phòng		(5.681.863.520)	(484.330.387)
06	- Chi phí lãi vay		55.708.980.851	26.215.561.685
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.555.774.102)	(789.503.653)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		-	15.100.093
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		203.310.894.030	82.109.635.610
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		203.310.894.030	82.109.635.610
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(391.634.880.658)	(143.605.334.180)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(391.634.880.658)	(143.605.334.180)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.933.998.137.819)	327.343.173.212
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(700.644.347.462)	132.967.984.650
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	27.800.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(1.249.637.527.550)	170.310.174.156
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(27.370.000.000)	1.759.580.000
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(434.189.589)	1.641.440.125
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(33.207.040.000)	20.000.000
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(13.300.000.000)	-
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.550.500.000)	(818.593.480)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		12.060.615.857	975.744.779
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(9.799.621.991)	566.049.695
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(47.915.770.323)	-
44	- Lãi vay đã trả		(22.372.583.680)	(27.796.885.540)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		61.855.886.780	1.433.392.887
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		32.370.000	80.232.301
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		4.834.817.832	2.366.112.329
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(334.965.218)	(27.585.083)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		97.234.758.625	16.485.997.593
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.450.041.100)	(420.471.200)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.550.405.656.585)	362.181.393.052

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(18.875.780.004)	(1.742.500.000)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.555.774.102	789.503.653
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.320.005.902)	(952.996.347)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		670.000.000.000	-
73	2. Tiền vay gốc		1.704.770.000.000	528.375.297.260
73.2	2.1 Tiền vay khác		1.704.770.000.000	528.375.297.260
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(727.580.000.000)	(1.003.575.297.260)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(727.580.000.000)	(1.003.575.297.260)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.647.190.000.000	(475.200.000.000)
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		80.464.337.513	(113.971.603.295)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		124.647.915.295	238.619.518.590
101.1	- Tiền		124.647.915.295	198.619.518.590
101.2	- Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	205.112.252.808	124.647.915.295
103.1	- Tiền		205.112.252.808	124.647.915.295

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		56.473.841.530.060	15.001.623.587.221
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(58.972.932.658.360)	(13.907.868.028.600)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		74.713.934.788.287	20.695.409.858.032
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(72.252.771.506.320)	(21.432.461.343.177)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		855.120.412.516	94.922.647.673
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(802.821.755.916)	(94.792.609.673)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		14.370.810.267	356.834.111.476
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		488.101.946.340	131.267.834.864
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		488.101.946.340	131.267.834.864
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		372.217.787.440	35.657.876.364
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		115.750.120.900	95.605.958.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		134.038.000	4.000.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	28	502.472.756.607	488.101.946.340
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		502.472.756.607	488.101.946.340
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		224.750.899.807	372.217.787.440
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		225.289.162.200	115.750.120.900
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		52.432.694.600	134.038.000

Bùi Thị Yến

Bùi Thị Yến
 Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng

Nguyễn Thị Bích Hằng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chung
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

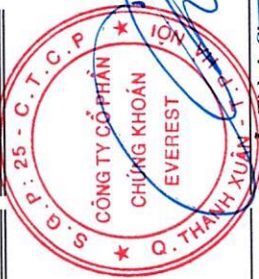
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2020		01/01/2021		31/12/2020		31/12/2021	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.004.000.000	600.004.000.000	-	-	670.000.000.000	-	600.004.000.000	1.270.004.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		600.004.000.000	600.004.000.000	-	-	430.000.000.000	-	600.004.000.000	1.030.004.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-	-	240.000.000.000	-	-	240.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		109.246.684.502	166.058.111.921	57.211.427.419	400.000.000	422.144.412.069	2.500.000.000	166.058.111.921	585.702.523.990
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		110.190.418.071	117.805.286.634	8.014.868.563	400.000.000	271.485.222.767	2.500.000.000	117.805.286.634	386.790.509.401
		(943.733.569)	48.252.825.287	49.196.558.856	-	150.659.189.302	-	48.252.825.287	198.912.014.589
TỔNG CỘNG		721.250.684.502	778.062.111.921	57.211.427.419	400.000.000	1.092.144.412.069	2.500.000.000	778.062.111.921	1.867.706.523.990



Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Bùi Thị Yến
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 97/GPĐC-UBCK cấp ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.030.004.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.030.004.000.000 đồng; tương đương 103.000.400 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 152 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 97 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 với mã giao dịch là EVS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Văn phòng Công ty	Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng M, Tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Bà Triệu	Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C,D, Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như chỉ số VN-INDEX tăng trưởng mạnh mẽ và thiết lập các mức đỉnh mới. Giá trị thị trường của các cổ phiếu, số lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản cũng như dòng tiền tăng lên rất cao. Những yếu tố này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 tăng trưởng rất mạnh so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Các tài sản khác	02 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch	02 - 08 năm
- Các tài sản vô hình khác	02 - 05 năm

2.7 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty FVTPL được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu.

2.16 . Các khoản thuế

- a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

2.17 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	234.965.907	25.400.510.943.990
- Cổ phiếu	83.931.049	2.846.891.032.758
- Trái phiếu	151.034.858	22.553.619.911.232
Của nhà đầu tư	4.368.617.382	109.880.392.958.920
- Cổ phiếu	4.349.631.422	108.549.107.948.600
- Trái phiếu	18.985.960	1.331.285.010.320
	4.603.583.289	135.280.903.902.910

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

4 . TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	44.550.023	28.113.705
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	205.067.702.785	124.619.801.590
	<u>205.112.252.808</u>	<u>124.647.915.295</u>

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	718.756.717.108	969.830.620.900	110.512.369.646	173.262.286.810
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	2.885.800	-
Trái phiếu	92.400.000.000	92.400.000.000	-	-
	<u>867.139.602.908</u>	<u>1.118.210.620.900</u>	<u>166.495.255.446</u>	<u>229.242.286.810</u>

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá trị thị trường tại ngày 31/12/2021.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Các khoản cho vay

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	1.641.209.500.098	501.265.976.029
Hoạt động ứng trước tiền bán	120.944.305.054	11.250.301.573
	<u>1.762.153.805.152</u>	<u>512.516.277.602</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	867.139.602.908	166.495.255.446	1.118.210.620.900	229.242.163.010	62.753.204.756	257.737.995.820	(6.666.977.828)	(6.173.392)	1.118.210.620.900	229.242.286.810
Cổ phiếu niêm yết	718.756.717.108	110.512.369.646	969.830.620.900	173.262.163.010	62.753.204.756	257.737.995.820	(6.664.092.028)	(3.287.592)	969.830.620.900	173.262.286.810
GMA	5.000.000.000	5.000.000.000	54.900.000.000	46.350.000.000	41.350.000.000	49.900.000.000	-	-	54.900.000.000	46.350.000.000
NVB	249.456.332.300	105.503.377.000	308.062.861.700	126.902.530.000	21.399.153.000	38.606.329.400	-	-	308.062.861.700	126.902.530.000
ACB	239.856.071.100	-	264.858.121.500	-	-	25.002.050.400	-	-	264.858.121.500	-
VHM	47.605.673.632	-	41.118.654.000	-	-	-	(6.487.019.632)	-	41.118.654.000	-
LPB	22.473.025.500	-	22.300.089.200	-	-	-	(172.936.300)	-	22.300.089.200	-
VIT	34.211.912.000	-	60.603.938.400	-	-	26.392.046.400	-	-	60.603.938.400	-
IDC	120.000.000.000	-	217.800.000.000	-	-	97.800.000.000	-	-	217.800.000.000	-
Cổ phiếu lẻ	153.702.576	8.992.646	186.936.100	9.633.010	4.051.756	37.369.620	(4.136.096)	(3.287.592)	186.936.100	9.756.810
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
- Cổ phiếu lẻ	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media (*)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
Trái phiếu	92.400.000.000	-	92.400.000.000	-	-	-	-	-	92.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (**)	92.400.000.000	-	92.400.000.000	-	-	-	-	-	92.400.000.000	-
	867.139.602.908	166.495.255.446	1.118.210.620.900	229.242.163.010	62.753.204.756	257.737.995.820	(6.666.977.828)	(6.173.392)	1.118.210.620.900	229.242.286.810

Ghi chú:

Nguyên tắc tính và cơ sở tham chiếu để xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá trị trường Công ty thận trọng xác định bằng 0.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị thị trường. Theo đó giá trị thị trường được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(**) Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (mã trái phiếu VC2H2122001) có kỳ hạn 12 tháng (27/10/2021 - 27/10/2022), số lượng: 924 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất cố định cho toàn bộ kỳ hạn 12 tháng của trái phiếu là 11,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	3.620.505.372	9.326.368.892
Tại ngày 31/12	3.620.505.372	9.326.368.892

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	27.370.000.000	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	434.189.589	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	33.355.040.000	24.000.000
- <i>Phải thu các dịch vụ khác</i>	<i>33.355.040.000</i>	<i>24.000.000</i>
Phải thu khác	13.300.000.000	-
	74.459.229.589	24.000.000

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tại ngày 01/01	-	-
Trích lập	24.000.000	-
Tại ngày 31/12	24.000.000	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	70.805.349	-
Chi phí thuê văn phòng	225.929.000	131.366.906
Chi phí bảo trì phần mềm	114.106.161	190.402.425
Chi phí thuê đường truyền	164.783.729	152.282.009
Chi phí bảo hiểm sức khoẻ	169.265.375	-
Chi phí hỗ trợ kinh doanh trái phiếu	10.433.457.911	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	245.244.847	151.063.494
	11.423.592.372	625.114.834

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.788.904.515	921.892.519
Chi phí thuê văn phòng	-	1.578.940.982
Chi phí trả trước dài hạn khác	128.882.426	415.808.987
	1.917.786.941	2.916.642.488

10 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đặt cọc thuê xe ô tô	33.000.000	-
	33.000.000	-

b) Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	1.220.519.108	604.099.108
Đặt cọc khác	300.000	250.000
	1.220.819.108	604.349.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
 Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2021	17.871.363.031	1.871.862.300	222.812.000	544.995.977	20.511.033.308
Mua trong năm	449.073.600	7.656.922.000	-	-	8.105.995.600
Tại ngày 31/12/2021	18.320.436.631	9.528.784.300	222.812.000	544.995.977	28.617.028.908
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2021	14.844.466.752	1.871.862.300	222.812.000	544.995.977	17.484.137.029
Khấu hao trong năm	1.023.557.419	260.776.898	-	-	1.284.334.317
Tại ngày 31/12/2021	15.868.024.171	2.132.639.198	222.812.000	544.995.977	18.768.471.346
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	3.026.896.279	-	-	-	3.026.896.279
Tại ngày 31/12/2021	2.452.412.460	7.396.145.102	-	-	9.848.557.562

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.111.412.710 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
 Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	5.326.428.889	4.750.289.608	10.076.718.497
Mua trong năm	4.612.000.000	-	4.612.000.000
Giảm khác	(615.000.000)	-	(615.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	9.323.428.889	4.750.289.608	14.073.718.497
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	5.326.428.889	4.750.289.608	10.076.718.497
Khấu hao trong năm	633.323.922	-	633.323.922
Giảm khác	(115.000.000)	-	(115.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	5.844.752.811	4.750.289.608	10.595.042.419
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	3.478.676.078	-	3.478.676.078

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.076.718.497 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định vô hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	12.939.704.599	11.459.388.560
Tiền lãi phân bổ trong năm	4.744.647.910	3.724.963.949
Số dư cuối năm	17.804.352.509	15.304.352.509

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2021 VND
Vay ngân hàng	-	190.000.000.000	70.000.000.000	120.000.000.000
	-	190.000.000.000	70.000.000.000	120.000.000.000
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn				
			31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾ (NCB)			120.000.000.000	-
			120.000.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng hạn mức thấu chi số 015/21/HĐHMTC-9213 ngày 28 tháng 12 năm 2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức thấu chi tài khoản: 150.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thiếu hụt tạm thời để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp; bổ sung vốn hoạt động kinh doanh ngắn hạn (ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay margin chứng khoán, các chi phí bổ sung vốn lưu động khác phù hợp với hoạt động kinh doanh);
- + Thời hạn hạn mức thấu chi: từ ngày 28/12/2021 đến ngày 28/12/2022;
- + Lãi suất cho vay: 10,7%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết và giấy tờ có giá giữa NCB với bên thứ ba và giữa NCB với Công ty.

15 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	01/01/2021	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Tổ chức	-	310.663.079.596	309.713.079.596	950.000.000
Cá nhân	51.100.000.000	1.204.106.920.404	347.866.920.404	907.340.000.000
Phải trả về chi phí phát hành trái phiếu	-	3.857.931.953	3.025.750.371	832.181.582
	51.100.000.000	1.518.627.931.953	660.605.750.371	909.122.181.582

Thông tin chi tiết về các khoản trái phiếu phát hành:

Trái phiếu phát hành lần 1 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2122001;
- + Khối lượng phát hành: 20.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 10/03/2021;
- + Ngày đáo hạn: 10/03/2022;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 12 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2021: 10.551 trái phiếu tương ứng với giá trị 105,51 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 2 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2124002;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 10/03/2021;
- + Ngày đáo hạn: 10/03/2024;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 10%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2021: 18.363 trái phiếu tương ứng với giá trị 183,63 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 3 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2123003;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 19/04/2021;
- + Ngày đáo hạn: 19/04/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 10%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2021: 17.435 trái phiếu tương ứng với giá trị 174,35 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 4 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2123004;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 20/07/2021;
- + Ngày đáo hạn: 20/07/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2021: 20.531 trái phiếu tương ứng với giá trị 205,31 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 5 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2124005;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 06/09/2021;
- + Ngày đáo hạn: 06/09/2024;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2021: 20.531 trái phiếu tương ứng với giá trị 205,31 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 6 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2123006;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 25/10/2021;
- + Ngày đáo hạn: 25/10/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2021: 15.219 trái phiếu tương ứng với giá trị 152,19 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	3.447.573.087	1.612.988.569
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	285.000.000	197.985.268
	3.732.573.087	1.810.973.837

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần PAC Quốc tế	27.370.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	33.285.407.124	-
Phải trả các đối tượng khác	5.274.859.167	2.096.787.000
	65.930.266.291	2.096.787.000

b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	27.370.000.000	-
Phải trả cho người bán khác	38.560.266.291	2.096.787.000
	65.930.266.291	2.096.787.000

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.868.238.244	65.751.568
Thuế Thu nhập cá nhân	9.478.387.092	4.646.159.175
Các loại thuế khác	40.806.165	38.216.250
	24.387.431.501	4.750.126.993

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	33.656.300.867	319.903.696
Phải trả lương, thưởng kinh doanh	15.201.896.994	3.786.975.636
Thù lao Hội đồng quản trị	469.875.000	63.300.000
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	562.370.243	323.250.744
	49.890.443.104	4.493.430.076

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.390.684	30.390.684
Thu hộ tiền đầu tư phải trả cho nhà đầu tư	723.262.050	723.262.050
Tiền đặt cọc, phí cơ hội và lãi phải trả tiền đặt cọc hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán	17.592.219.178	23.178.469.179
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (*)	100.027.397.260	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.005.863	33.025.329
	118.427.275.035	23.965.147.242

(*) Khoản phải trả về hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư Chứng khoán niêm yết số 30122021/HTĐT/FIT-EVEREST ngày 30/12/2021.

21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Fusion Suites Sài Gòn	19,42%	200.000.000.000	0,00%	-
Ông Vũ Mạnh Tiến	9,71%	100.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	70,87%	730.004.000.000	100,00%	600.004.000.000
	100%	1.030.004.000.000	100%	600.004.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	386.790.509.401	117.805.286.634
Lợi nhuận chưa thực hiện	198.912.014.589	48.252.825.287
	585.702.523.990	166.058.111.921

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	117.805.286.634	110.190.418.071
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	198.912.014.589	48.252.825.287
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	271.485.222.767	8.014.868.563
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	389.290.509.401	118.205.286.634
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(2.500.000.000)	(400.000.000)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(2.500.000.000)	(400.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	386.790.509.401	117.805.286.634

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 02 tháng 03 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2020	100,00%	166.058.111.921
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,51%	2.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	98,49%	163.558.111.921

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	600.004.000.000	600.004.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	670.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.270.004.000.000	600.004.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	103.000.400	60.000.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	103.000.400	60.000.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	103.000.400	60.000.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103.000.400	60.000.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	103.000.400	60.000.400
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	242.836.320.000	126.907.010.000
	242.836.320.000	126.907.010.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.530.000	1.550.000
	<u>1.530.000</u>	<u>1.550.000</u>
24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	131.400.020.000	30.000.000.000
	<u>131.400.020.000</u>	<u>30.000.000.000</u>
25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.678.166.795.000	3.524.365.950.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	667.281.580.000	59.392.560.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	320.665.450.000	320.665.450.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	530.890.000	530.840.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	179.311.500.000	313.581.770.000
	<u>6.845.956.215.000</u>	<u>4.218.536.570.000</u>
26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	18.002.520.000	18.045.590.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	150.000.000	150.000.000
	<u>18.152.520.000</u>	<u>18.195.590.000</u>
27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	146.775.480.000	278.644.000.000
	<u>146.775.480.000</u>	<u>278.644.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

28 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	224.750.899.807	372.217.787.440
1. Nhà đầu tư trong nước	223.558.939.111	372.161.702.831
2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.191.960.696	56.084.609
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	225.289.162.200	115.750.120.900
1. Nhà đầu tư trong nước	225.289.162.200	115.750.120.900
Tiền gửi của tổ chức phát hành	52.432.694.600	134.038.000
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	52.432.694.600	134.038.000
	<u>502.472.756.607</u>	<u>488.101.946.340</u>

29 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	224.750.899.807	372.217.787.440
1.1 Nhà đầu tư trong nước	223.558.939.111	372.161.702.831
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	1.191.960.696	56.084.609
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	225.289.162.200	115.750.120.900
2.1 Nhà đầu tư trong nước	225.289.162.200	115.750.120.900
	<u>450.040.062.007</u>	<u>487.967.908.340</u>

30 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	92.694.600	134.038.000
	<u>92.694.600</u>	<u>134.038.000</u>

31 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.641.209.500.098	501.265.976.029
1.1 Phải trả gốc margin	1.641.209.500.098	501.265.976.029
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.641.209.500.098</i>	<i>501.265.976.029</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	120.944.305.054	11.250.301.573
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	120.944.305.054	11.250.301.573
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>120.944.305.054</i>	<i>11.250.301.573</i>
	<u>1.762.153.805.152</u>	<u>512.516.277.602</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Báo cáo tài chính**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

32 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
	VND	VND	VND	VND	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	1.297.628.166.900	1.105.541.822.008	212.774.057.360	20.687.712.468	100.818.419.550	96.917.118.870		
Trái phiếu niêm yết	1.372.555.385.718	1.379.416.892.692	700.353.651	4.561.860.625	536.926.187	1.232.500.000		
Trái phiếu chưa niêm yết	12.142.485.341.364	12.125.212.231.875	17.273.109.489	-	409.619.201	-		
	14.812.668.893.982	14.610.170.946.575	230.747.520.500	25.249.573.093	101.764.964.938	98.149.618.870		



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2021		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
FVTPL	867.139.602.908	1.118.210.620.900	257.737.995.820	(6.666.977.828)	62.753.204.756	(6.173.392)	391.634.880.658	(203.310.894.030)
Cổ phiếu niêm yết	718.756.717.108	969.830.620.900	257.737.995.820	(6.664.092.028)	62.753.204.756	(3.287.592)	391.634.880.658	(203.310.894.030)
Cổ phiếu chưa niêm yết	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	-	(2.885.800)	-	(2.885.800)	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	92.400.000.000	92.400.000.000	-	-	-	-	-	-
	867.139.602.908	1.118.210.620.900	257.737.995.820	(6.666.977.828)	62.753.204.756	(6.173.392)	391.634.880.658	(203.310.894.030)

1110
ÔNG T
NHÌEM H
KIỂM
AS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
 Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	20.683.731.763	1.837.875.800
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	3.688.156.941
Từ các khoản cho vay	105.753.220.227	62.169.556.024
	126.436.951.990	67.695.588.765
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	22.411.139.326	-
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu dịch vụ tài chính khác	22.411.139.326	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	22.411.139.326	-
33 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	5.868.364.908	-
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	5.844.364.908	-
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	24.000.000	-
	5.868.364.908	-
34 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	2.555.774.102	789.503.653
Doanh thu hoạt động tài chính khác	101.095.890	-
	2.656.869.992	789.503.653
35 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	55.708.980.851	26.215.561.685
	55.708.980.851	26.215.561.685

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

36 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	21.480.725.099	17.393.152.052
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	784.114.355	1.161.060.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	893.038.051	810.051.820
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.128.777.142	759.541.054
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.192.000	7.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.204.439.303	11.245.802.354
	31.503.285.950	31.377.107.280

37 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

37.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	522.527.466.394	70.430.350.766
Các khoản điều chỉnh tăng	203.667.237.943	82.110.843.769
- Chi phí không hợp lệ	332.343.913	1.208.159
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính	203.310.894.030	82.109.635.610
- Trích lập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	24.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(412.603.419.340)	(147.942.276.367)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(15.262.675.162)	(3.852.611.800)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính	(391.634.880.658)	(143.605.334.180)
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	(5.705.863.520)	(484.330.387)
Thu nhập chịu thuế TNDN	313.591.284.997	4.598.918.168
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	62.718.256.999	919.783.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	65.751.568	(854.032.065)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(47.915.770.323)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	14.868.238.244	65.751.568

37.2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	37.664.797.326	12.299.139.714
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	12.549.406.272	250.266.558
	50.214.203.598	12.549.406.272
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	37.664.797.326	12.299.139.714
	37.664.797.326	12.299.139.714

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

40 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	422.144.412.069	57.211.427.419
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	422.144.412.069	57.211.427.419
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	69.222.318	60.000.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.098	954

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

41 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền	205.112.252.808	-	124.647.915.295	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.118.210.620.900	-	229.242.286.810	-
Các khoản cho vay	1.762.153.805.152	(3.620.505.372)	512.516.277.602	(9.326.368.892)
Các khoản phải thu	74.459.229.589	(24.000.000)	24.000.000	-
	3.159.935.908.449	(3.644.505.372)	866.430.479.707	(9.326.368.892)
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Vay và nợ			1.029.122.181.582	51.100.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			188.090.114.413	27.872.908.079
Chi phí phải trả			49.890.443.104	4.493.430.076
			1.267.102.739.099	83.466.338.155

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
 Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.118.210.620.900	-	-	1.118.210.620.900
	<u>1.118.210.620.900</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.118.210.620.900</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	229.242.286.810	-	-	229.242.286.810
	<u>229.242.286.810</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>229.242.286.810</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền	205.112.252.808	-	-	205.112.252.808
Các khoản cho vay	1.758.533.299.780	-	-	1.758.533.299.780
Các khoản phải thu	74.435.229.589	-	-	74.435.229.589
	<u>2.038.080.782.177</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.038.080.782.177</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền	124.647.915.295	-	-	124.647.915.295
Các khoản cho vay	503.189.908.710	-	-	503.189.908.710
Các khoản phải thu	24.000.000	-	-	24.000.000
	<u>627.861.824.005</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>627.861.824.005</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay	1.029.122.181.582	-	-	1.029.122.181.582
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	188.090.114.413	-	-	188.090.114.413
Chi phí phải trả	49.890.443.104	-	-	49.890.443.104
	<u><u>1.267.102.739.099</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.267.102.739.099</u></u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay	51.100.000.000	-	-	51.100.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	27.872.908.079	-	-	27.872.908.079
Chi phí phải trả	4.493.430.076	-	-	4.493.430.076
	<u><u>83.466.338.155</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>83.466.338.155</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

42 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

43 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán VND	Hoạt động cho vay và ứng trước tiền bán VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	136.477.155.492	643.066.132.921	197.035.936.818	105.753.220.227	30.747.612.053	1.113.080.057.511
Chi phí hoạt động	118.193.713.449	232.237.742.467	151.277.663.496	(5.705.863.520)	9.993.938.416	505.997.194.308
Doanh thu không phân bổ						2.656.869.992
Chi phí không phân bổ						87.212.266.801
Kết quả hoạt động	18.283.442.043	410.828.390.454	45.758.273.322	111.459.083.747	20.753.673.637	522.527.466.394
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	1.146.014.810.489	57.766.017.527	1.758.533.299.780	-	2.962.314.127.796
Tài sản không phân bổ						248.407.436.766
Tổng tài sản	-	1.146.014.810.489	57.766.017.527	1.758.533.299.780	-	3.210.721.564.562
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	21.324.792.265	100.027.397.260	65.810.375.285	-	162.850.000	187.325.414.810
Nợ phải trả không phân bổ						1.155.689.625.762
Tổng nợ phải trả	21.324.792.265	100.027.397.260	65.810.375.285	-	162.850.000	1.343.015.040.572

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

44 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Hải Châu Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty từng là Tổng Giám đốc và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty này trong giai đoạn từ năm 2020 đến tháng 6/2021

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và
Ban Tổng Giám đốc của Công ty

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	6.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	77.000.000	-
Mua dịch vụ		
Ông Vũ Mạnh Tiến	330.000.000	-
Ông Nguyễn Hải Châu	645.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	1.062.481.503	5.480.543.097

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Ông Nguyễn Hải Châu	343.875.000	8.100.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	18.000.000	-
Bà Vũ Hải Anh	18.000.000	-
Ông Vũ Mạnh Tiến	67.500.000	-
Ông Nguyễn Thành Chung	22.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	6.009.351.538	5.101.567.039
Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	403.000.000	39.000.000
Ông Lê Bảo Thắng - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	345.000.000	24.000.000
Bà Phùng Tô Hoa - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	9.000.000	-
Ông Lưu Đức Quang - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000
Bà Bùi Việt Anh - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000
Ông Bùi Công Thiện - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000
Ông Vũ Hồng Sơn - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc	-	2.830.744.300
Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị	63.000.000	-
Bà Vũ Hải Anh - Thành viên Hội đồng quản trị	43.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	43.000.000	-
Bà Đoàn Thị An - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	88.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Chung - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	2.893.519.863	384.589.036
Bà Ngô Thị Thu Hương - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	2.121.831.675	939.426.800
Ông Huỳnh Anh Tuấn - Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	158.861.903
Ông Ngô Đăng Triều - Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	697.945.000
Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát của Công ty	12.000.000	72.000.000

45 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Bùi Thị Yến
 Người lập



Nguyễn Thị Bích Hằng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chung
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022